

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2021/DS-ST**
Ngày: 24-9-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thúy Quyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Đỗ Trọng Tuấn**

2/ Ông **Trương Minh Đức**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Giang** – Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố C.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông **Tạ Bá Nhịn** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 449/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V**

Địa chỉ: Tòa nhà HM town 412 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Minh P, bà Trần Thị L; giấy ủy quyền số 590/2020/UQ-TT QL & THN ngày 23/12/2020. Bà Trần Thị L có mặt.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Ngọc N**, sinh năm 1994. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 513 đường Bùi Hữu Nghĩa, phường B, quận B1, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Ngày 20/7/2018 Ngân hàng TMCP V và bà Nguyễn Ngọc N ký hợp đồng tín dụng số 0304/00618/TDTL-CN cho vay nội dung như sau: Số tiền vay

160.000.000 đồng, phương thức vay từng lần, mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ đời sống, thời hạn vay 48 tháng. Trả lãi vào ngày 15 định kỳ 01 tháng/lần. Trả nợ gốc vào ngày 15 định kỳ 01 tháng/lần với số tiền 3.340.000 đồng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên 15/8/2018, kỳ trả gốc cuối cùng vào ngày đến hạn với số tiền 3.020.000 đồng. Không có tài sản bảo đảm. Ngày đáo hạn 20/7/2022. Ngân hàng đã giải ngân đủ 160.000.000 đồng cho bà Nguyễn Ngọc N theo giấy nhận nợ số 01/0304/00618/TDTL-CN ngày 20/02/2018. Cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm.

Quá trình trả nợ, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 30/10/2020 Ngân hàng V đã có thông báo thu hồi nợ đối với bà N. Tính đến ngày 24/9/2021 bà N còn nợ Ngân hàng V tổng cộng 109.624.622 đồng, trong đó:

- + Nợ gốc: 76.500.000 đồng
- + Nợ lãi trong hạn: 26.564.384 đồng;
- + Nợ lãi quá hạn: 5.153.437 đồng;
- + Phạt chậm trả lãi: 1.406.801 đồng.

Do đó, ngân hàng yêu cầu bà N có trách nhiệm trả khoản tiền trên và buộc bà Nguyễn Ngọc N phải chịu toàn bộ số tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 25/9/2021 theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng số 0304/00618/TDTL-CN ngày 20/7/2018 cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên trình bày và yêu cầu như trên. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Việc thu thập tài liệu chứng cứ, giao nhận chứng cứ là đúng quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vi phạm nghĩa vụ theo triệu tập của Tòa án.

- Về giải quyết vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở để kết luận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91, 95 luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ tranh chấp*: Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi là *Ngân hàng*) và bà Nguyễn Ngọc N có ký hợp đồng tín dụng số tiền 160.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn phục vụ đời sống. Do bà N vi phạm thỏa thuận nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bà N trả nợ. Quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh*

chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Thủ tục tố tụng*: Bị đơn bà Nguyễn Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa 02 lần nhưng đương sự đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 0304/00618/TDTL-CN và giấy nhận nợ cùng ngày 20/7/2018 thì bà Nguyễn Ngọc N vay của Ngân hàng V số tiền 160.000.000 đồng, lãi suất là 15%/năm. Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Thời hạn vay 48 tháng. Trả lãi vào ngày 15 định kỳ 01 tháng/lần. Không có tài sản bảo đảm. Trả nợ gốc vào ngày 15 định kỳ 01 tháng/lần với số tiền 3.340.000 đồng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là ngày 15/8/2018, kỳ trả gốc cuối cùng vào ngày đến hạn với số tiền 3.020.000 đồng.

Bà N trả nợ gốc và nợ lãi lần cuối cùng vào ngày 15/8/2020 thì không trả nữa. Số tiền nợ gốc bà N đã trả được 83.500.000 đồng, còn nợ lại 76.500.000 đồng. Do bà N vi phạm hợp đồng nên ngày 30/10/2020 Ngân hàng có thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với bà Nguyễn Ngọc N. Do đó, kể từ thời điểm 30/10/2020 trở về sau là thời điểm khoản nợ 76.500.000 đồng của bà N rơi vào thời điểm nợ quá hạn. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm 24/9/2021 bà N còn nợ ngân hàng V tổng số tiền 109.624.622 đồng. Trong đó,

- + Nợ gốc: 76.500.000 đồng
- + Tiền lãi trong hạn: 26.564.384 đồng
- + Tiền lãi phạt chậm lãi là: 1.406.801 đồng
- + Tiền quá hạn là: 5.153.437 đồng

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Nghị quyết, Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng chấp nhận.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 322 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều

91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

Buộc bà Nguyễn Ngọc N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ tín dụng tạm tính đến ngày 24/9/2021 là 109.624.622 đồng (Trong đó, nợ gốc: 76.500.000 đồng, nợ lãi 33.124.622) và kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Ngọc N còn phải chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Nguyễn Ngọc N phải chịu 5.481.231 đồng.
- Nguyên đơn được nhận lại 2.127.038 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 005023 ngày 13/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố C.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. B;
- TAND TPCT;
- THADS Q. B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Quyên